

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Tuyết Lệ;**

Bà **Nguyễn Thị Kiều Diễm.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liên Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 309/2019/TLST-HNGĐ, ngày 17-7-2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2019/QĐXXST- HNGĐ, ngày 01-8-2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phúc A, sinh năm 1996; Địa chỉ: Số A, khóm B, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm 1996; Địa chỉ: Ấp E, xã F, huyện T, tỉnh Trà Vinh (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2019, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Phúc A trình bày:

Vào ngày 13/01/2019, chị xác lập quan hệ hôn nhân với anh Huỳnh Thanh N không có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung anh chị chưa có con chung, nhưng hiện tại chị đang mang thai con được 07 tháng.

Về tài sản chung: Trong ngày lễ hỏi gia đình anh N có cho chị 21 chỉ vàng 24kr loại vàng 999 gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 cộng kiềng 10 chỉ, 01 tấm lắc 10 chỉ) do anh N quản lý, 01 cặp nhẫn cưới vàng 18kr (không xác định trọng lượng) chị và anh N mỗi người đeo 01 chiếc.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Sau khi kết hôn anh chị sống chung bên gia đình anh N, thời gian sống chung tính tình vợ chồng không hợp nên đã sống ly thân, hiện nay chị về bên gia đình chị sống còn anh N sống bên gia đình anh, chị và anh N không hàn gắn đoàn tụ được, nên chị quyết định ly hôn.

Chị Nguyễn Phúc A yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Thanh N.

Về con chung: Do chị đang mang thai con được 07 tháng, nên không yêu cầu giải quyết con chung, chị và anh N có thống nhất nếu sau này chị sinh con ra, thì con chung do chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chị và anh N chỉ có trách nhiệm là cha mẹ của con sau này, chị sẽ không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Yêu cầu anh N giao lại cho chị hưởng 21 chỉ vàng 24kr loại vàng 999 gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 cộng kiềng 10 chỉ, 01 tấm lắc 10 chỉ), chị không đồng ý chia đôi với anh N, còn 01 cặp nhẫn cưới vàng 18 kr mỗi người đeo 01 chiếc thì hưởng không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung chị và anh N thống nhất giao nhận vàng xong vào ngày 17/7/2019 tại Tòa án và yêu cầu Tòa án ghi nhận vào bản án, quyết định của Tòa.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Phúc A có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Huỳnh Thanh N trình bày:

Vào ngày 13/01/2019, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Nguyễn Phúc A không có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung anh chị chưa có con chung, nhưng hiện tại chị A đang mang thai con được 07 tháng.

Về tài sản chung: Trong ngày cưới gia đình anh có cho chị A 21 chỉ vàng 24kr loại vàng 999 gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 cộng kiềng 10 chỉ, 01 tấm lắc 10 chỉ) anh đang quản lý, 01 cặp nhẫn cưới vàng 18kr (không xác định trọng lượng bao nhiêu) anh và chị A mỗi người đeo 01 chiếc.

Về nợ chung: Không có.

Nguyên nhân vợ chồng không sống chung: Sau khi kết hôn anh chị sống bên gia đình anh, thời gian sống chung không hợp nên vợ chồng đã sống ly thân, chị A về bên gia đình vợ sống, còn anh sống bên gia đình anh, nay anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Do chị A đang mang thai con được 07 tháng nên anh không yêu cầu giải quyết về con chung, sau này chị A sinh con giữa anh và chị A có thống nhất con chung giao cho chị A nuôi dưỡng, anh và chị A chỉ có trách nhiệm chăm sóc con chung và anh cũng không phải cấp dưỡng nuôi con, do tài sản là vàng cưới anh thống nhất giao cho chị A hưởng, anh không có yêu cầu chia đôi.

Về tài sản chung: Anh đồng ý giao lại cho chị A hưởng 21 chỉ vàng 24kr loại vàng 999 gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 cộng kiềng 10 chỉ, 01 tấm lắc 10

chị), anh không yêu cầu chia đôi, 01 cặp nhẫn cưới mỗi người đeo 01 chiếc thì hưởng không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung anh và chị A thống nhất giao nhận vàng xong vào ngày 17/7/2019 tại Tòa án và yêu cầu Tòa án ghi nhận vào bản án, quyết định của Tòa.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Huỳnh Thanh N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Phúc A cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 chứng minh nhân dân tên A (bản photo); Bị đơn có cung cấp cho Tòa án: 01 chứng minh nhân dân tên N (bản photo); 01 sổ hộ khẩu gia đình (bản photo).

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N thống nhất chị A đang mang thai con được 07 tháng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Ghi nhận lại sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N như sau:

+ Anh Huỳnh Thanh N đồng ý giao cho chị Nguyễn Phúc A hưởng 21 chỉ vàng 24K loại vàng 999 gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 cộng kiềng 10 chỉ, 01 tấm lắc 10 chỉ, giao nhận vàng xong ngày 17/7/2019 tại Tòa án; Chị Nguyễn Phúc A thống nhất đã nhận đủ 21 chỉ vàng 24K loại vàng 999 tại Tòa án vào ngày 17/7/2019).

+ 01 cặp nhẫn cưới vàng 18kr chị A và anh N thống nhất mỗi người hưởng 01 chiếc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Huỳnh Thanh N có hộ khẩu thường trú ở huyện T theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 13/01/2019, trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị A và anh N không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào quy định tại khoản

1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì chị A và anh N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3]. *Về con chung*: Chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N thống nhất hiện tại chị A đang mang thai con được 07 tháng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. *Về tài sản chung*: Ghi nhận lại sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N như sau:

+ Anh Huỳnh Thanh N đồng ý giao cho chị Nguyễn Phúc A hưởng 21 chỉ vàng 24Kt loại vàng 999 gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 cộng kiềng 10 chỉ, 01 tấm lắc 10 chỉ, giao nhận vàng xong ngày 17/7/2019 tại Tòa án; Chị Nguyễn Phúc A thống nhất đã nhận đủ 21 chỉ vàng 24Kt loại vàng 999 tại Tòa án vào ngày 17/7/2019).

+ 01 cặp nhẫn cưới vàng 18kt chị A và anh N thống nhất mỗi người hưởng 01 chiếc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: Chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N thống nhất khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N thống nhất hiện tại chị A đang mang thai con được 07 tháng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận lại sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N như sau:

+ Anh Huỳnh Thanh N đồng ý giao cho chị Nguyễn Phúc A hưởng 21 chỉ vàng 24Kt loại vàng 999 gồm (01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 cộng kiềng 10 chỉ, 01 tấm lắc 10 chỉ, giao nhận vàng xong ngày 17/7/2019 tại Tòa án; Chị Nguyễn Phúc A thống nhất đã nhận đủ 21 chỉ vàng 24Kt loại vàng 999 tại Tòa án vào ngày 17/7/2019).

+ 01 cặp nhẫn cưới vàng 18kt chị A và anh N thống nhất mỗi người hưởng 01 chiếc không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Phúc A và anh Huỳnh Thanh N thống nhất khai không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Phúc A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004540, ngày 17-7-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Chị Nguyễn Phúc A đã nộp đủ án phí.

Bị đơn anh Huỳnh Thanh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Chấm

